TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI** Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST Ngày 29 – 8 – 2025 "V/v Ly hôn"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Đình Thành
2. Ông Nguyễn Khắc Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toản – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thùy Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025, về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thu T, sinh năm 1999 (Có mặt).

CCCD số: 070199000279, Cục C về trật tự xã hội cấp ngày 02/4/2021

Địa chỉ: khu phố T 02, phường P, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: Anh Đinh Tùng L, sinh năm 1996 (vắng mặt)

CCCD số: 070096001578, Cục C về trật tự xã hội cấp ngày 05/4/2021

Địa chỉ: khu phố B, phường P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đinh Tùng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/11/2023, tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã

sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Lâm ly H.

Về con chung: vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung; nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Tùng L trình bày: Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T như chị T trình bày là đúng. Từ tháng 06 năm 2025 chị T đã bỏ về nhà đẻ sinh sống, việc chị T bỏ đi không bàn bạc với anh và gia đình anh. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Nay với yêu cầu ly hôn của chị T anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "Ly hôn". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Đồng Nai (Trước đây là thị xã P, tỉnh Bình Phước) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Tùng L vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu T và anh Đinh Tùng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 02/11/2023. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

Chị T và anh L đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc vợ chồng không có sự yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị Thu T là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình.

[2.2] Về con chung: không có nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu T được ly hôn với anh Đinh Tùng L.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Lương Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0028980 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Đinh Tùng L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 11 – Đồng Nai;
-UBND Phường Phước Phước Long (số 33; ngày 02/11/2023);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh